

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 11- 6 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 747/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tiến N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 6, ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Phương Minh Nh, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 6, ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh N.

Chị N, anh Nh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Tiến N trình bày:

Chị và anh Phương Minh Nh chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nguyên nhân do anh Nh thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, hay kiếm chuyện với chị. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống cách nay 07 tháng. Nay nhận thấy vợ

chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phương Gia H, sinh ngày 20/12/2014, hiện cháu H đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phương Minh Nh trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian sống chung, nơi đăng ký kết hôn và thời gian ly thân. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh thừa nhận, anh có chơi bời nhưng nay đã bỏ, bản thân anh cũng có đi làm tạo thu nhập, phụ giúp kinh tế gia đình. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, do vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày, hiện cháu đang sống chung với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Nh.

+ Về con chung: Giao cháu Phương Gia H, sinh ngày 20/12/2014 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh Nh không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tiến N và anh Phương Minh Nh chung sống vợ chồng vào năm 2013, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo

quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nh không đồng ý ly hôn với chị N với lý do anh vẫn còn thương vợ con. Tuy nhiên, anh Nh thừa nhận giữa vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, có lần không kiềm chế dẫn đến việc anh đánh chị N. Mặc dù gia đình hai bên đã can ngăn nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Bản thân anh thừa nhận anh cũng có chơi bời, không lo làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình như chị N trình bày. Kết quả xác minh địa phương nơi chị N, anh Nh sống chung thể hiện: Giữa anh Nh và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, có lần dẫn đến đánh nhau, có báo chính quyền địa phương đến can thiệp. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Nh là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N và anh Nh có 01 con chung tên Phương Gia H, sinh ngày 20/12/2014, hiện đang sống chung với chị N. Anh Nh và chị N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu H còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, chị N có đủ điều kiện nuôi con. Do đó cần giao cháu H cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh Nh không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tiên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tiên N. Chị Lê Thị Tiên N được ly hôn với anh Phương Minh Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phương Gia H, sinh ngày 20/12/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N và anh Nh không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tiến N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000047 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My

